3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division
Tạ Thị Hương Giang

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer
Đức
NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*: P
Mã số / *Code*: VNM
Số hộ chiếu / *Passport N°*: C6293386
Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC
Quốc tịch / *Nationality*: VIỆT NAM / *VIETNAMESE*
Ngày sinh / *Date of birth*: 15 / 04 / 1998
Nơi sinh / *Place of birth*: HÀ TĨNH
Giới tính / *Sex*: NAM / M
Số GCMND / *ID card*: 184324961
Ngày cấp / *Date of issue*: 31 / 10 / 2018
Có giá trị đến / *Date of expiry*: 31 / 10 / 2028
Nơi cấp / *Place of issue*: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMNGUYEN<<DINH<DUC<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6293386<3VNM9804153M2810319184324961<<<<<86

11

THỊ THỰC — *VISAS*

NỘI BÀI
VIỆT NAM IMMIGRATION
26 APR 2019
2019

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR
上陸許可
LANDING PERMISSION
許可年月日 Date of permit: 26 APR. 2019
在留期限 Until: 26 APR. 2020
在留資格 Status: Technical Intern Training (I) (B)
在留期間 Duration: One Year
HANEDA A.P.
1814207496
KLHY0115695
HE3929294GA

7

JAPAN VISA
日本国査証
EC0781928

Place of Issue: HANOI
Date of Issue: 22 APR 19
Date of expiry: 22 JUL 19
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 19B51733
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: NGUYEN DINH DUC
Passport No.: C6293386
Sex: M
Date of birth: 15 APR 98
Nationality: VNM
No. of applicants
Remarks: TBY19-103052

V<JPNNGUYEN<<DINH<DUC<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6293386<3VNM9804153M190722119B51733620A<E17